TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2023/DS-ST
Ngày: 10-8-2023
Về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 549/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2023/QĐXXST-DS ngày 24/7/2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị M, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Thạch Thị M1, sinh năm 1963 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2023 (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Thạch Thị T, sinh năm 1979 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch*: Ông Thạch T R. Nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2023 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Thạch Thị M trình bày:

Bà có tham gia chơi dây hụi khui ngày 12/11/2019 dl do bà Thạch Thị T làm đầu thảo hụi, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 5.000.000 đồng có 16 phần, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 12/11/2019 dl, sau đó nửa tháng khui 01 lần, hình thức lĩnh hụi là thành viên trong dây hụi bỏ thăm cao nhất thì hốt, việc góp hụi là sau khi đã mở hụi thì đầu thảo đi gom tiền của hụi viên sau đó giao tiền tại nhà hụi viên được lĩnh hụi. Mỗi người lĩnh hụi thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 1.500.000 đồng/lần hốt. Bà tham gia 01 phần ở dây số 01 lấy tên trong danh sách hụi là "*2 M*" đóng hụi sống đầy đủ từ lần khui thứ 1 đến lần khui thứ 13, đến lần khui thứ 14 bà bỏ thăm 2.950.000 đồng và hốt được số tiền 67.600.000 đồng, bà T (đầu thảo) không giao tiền cho bà vì giữa bà với bà Thạch Thị M1 có thỏa thuận với nhau cho bà M1 mượn số tiền hụi này để bà M1 trả tiền hụi còn nợ bà T, việc thỏa thuận này có sự đồng ý của bà T. Sau khi cho bà M1 mượn tiền hụi thì bà vẫn đóng hụi chết ở lần khui thứ 15 và 16 cho bà T bằng 10.000.000 đồng. Bà M1 có nhiều lần hứa trả nhưng không trả số tiền này cho bà. Nay bà yêu cầu bà M1 trả lại cho bà số tiền 58.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 9.100.000 đồng.

- Bị đơn bà Thạch Thị M1 trình bày:

Bà Thạch Thị M1 thừa nhận có tham gia chơi dây hụi khui ngày 12/11/2019 dl, loại hụi 5.000.000 đồng do bà Thạch Thị T làm đầu thảo ở dây số 01, bà tham gia 03 phần lấy tên trong danh sách hụi là "U M" và đã hốt hụi xong 03 phần cụ thể ở các lần khui nào thì bà không nhớ nhưng đầu thảo đã giao đầy đủ tiền hụi nên bà không có tranh chấp. Bà M có tham gia chung với bà trong dây hụi này nhưng việc bà M có kêu hụi và hốt hụi như thế nào là chuyện của bà M và đầu thảo không liên quan đến bà. Giữa bà với bà M không có thỏa thuận cho bà mượn số tiền hốt hụi được lần khui thứ 14 để trừ tiền nợ bà T như bà M trình bày, số tiền 67.600.000 đồng bà không nhận từ bà M hay bà T nên không đồng ý trả. Tuy nhiên giữa bà với bà M có thỏa thuận việc bà chuyển nhượng đất cho bà M nên hai bên có thỏa thuận cấn trừ số tiền hụi 58.500.000 đồng là phần của bà M hốt được trong dây hụi số 01, khui ngày 12/11/2019 (dl) do bà T làm đầu thảo để đặt cọc trước cho bà, bà M có ghi biên nhận ngày 02/6/2020 bà còn lưu giữ, do bà M đổi ý không mua đất và đòi lại tiền nên nay bà không đồng ý trả vì không mua đất thì mất cọc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị T trình bày:

Bà thừa nhận có tổ chức mở dây hụi khui ngày 12/11/2019 dl, loại hụi 5.000.000 đồng có 16 phần như bà M và bà M1 trình bày có tham gia ở dây số 01 là đúng. Về số phần hụi bà M1 trình bày tham gia 03 phần lấy tên là "U

M" và hốt hết 03 phần là đúng, còn bà M tham gia 01 phần lấy tên trong danh sách hụi là "2 M", ở lần khui thứ 14 bà M bỏ thăm số tiền 2.950.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, số tiền hụi được nhận bằng 67.600.000 đồng sau khi trừ huê hồng. Tuy nhiên bà M không nhận số tiền này mà do bà M và bà M1 tự thỏa thuận với nhau tại nhà bà M là bà M cho bà M1 mượn phần hốt hụi này để trừ tiền bà M1 còn thiếu nợ bà. Thấy bà M và bà M1 thỏa thuận như vậy nên bà cũng đồng ý cấn trừ vào tiền nợ bà M1 thiếu. Sau khi trừ tiền hụi xong thì bà M vẫn đóng 02 lần hụi chết cho bà ở lần thứ 15, 16 bằng 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện ban đầu, yêu cầu bị đơn bà M1 phải trả lại cho bà số tiền 58.500.000 đồng theo biên nhận bà đã viết cho bà M1; rút lại số tiền chênh lệch 9.100.000 đồng. Bị đơn bà M1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" là chưa đúng, do các đương sự tranh chấp với nhau số tiền cho vay không tính lãi, tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa bà M cũng xác định bà chỉ đòi lại số tiền đã cho bà M1 mượn nên đề nghị xác định lại quan hệ tranh chấp là "Đòi lại tài sản". Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người liên quan.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M, buộc bà Thạch Thị M1 phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 58.500.000 đồng. Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 9.100.000 đồng do bà M có đơn xin rút. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Thạch Thị M khởi kiện bà Thạch Thị M1 phải trả số tiền 67.600.000 đồng bà M cho bà M1

vay để cấn trừ tiền hụi của bà T, các đương sự không có tranh chấp với nhau về số tiền góp hụi, hốt hụi với đầu thảo. Tại thông báo thụ lý vụ án cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án xác định "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" là không chính xác. Do đó Hội đồng xét xử nhận định lại quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa bà Thạch Thị M1 vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án, đưa bà Thạch Thị T vào tham gia là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà Thạch Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về nội dung: Trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Thạch Thị M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Thạch Thị M1 phải trả cho bà số tiền 58.500.000 đồng bà đã cho bà M1 vay (không lãi) để cấn trừ vào số tiền nợ của bà Thạch Thị T; rút lại một phần khởi kiện với số tiền 9.100.000 đồng trong số tiền 67.600.000 đồng. Do bà M tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 9.100.000 đồng trong số tiền bà khởi kiện ban đầu là 67.600.000 đồng và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của số tiền nêu trên là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận nhận.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Myêu cầu bà Thạch Thị M1 phải trả cho bà số tiền 58.500.000 đồng bà đã cho bà M1 vay (không lãi) cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi vì: Bà M khởi kiện và đưa ra được chứng cứ là bà tham gia hụi do bà T làm đầu thảo, bà đã hốt hụi với số tiền 67.600.000 đồng và cho bà M1 mượn số tiền 58.500.000 đồng từ phần tiền hụi đã hốt của bà T và bà T. Trong hòa giải cũng như biên bản lấy lời khai bà T xác nhận bà M và bà M1 có cùng tham gia góp hụi trong dây hụi khui ngày 12/11/2019 dl, loại hụi 5.000.000 đồng có 16 phần do bà T làm đầu thảo, về số phần hụi của bà M1 tham gia 03 phần (hốt hết 03 phần) và giữa bà M1 với bà T thống nhất đã giao nhận tiền hụi xong nên giữa hai bên không có tranh chấp. Đối với bà M thì bà T thừa nhận ở lần khui thứ 14, bà M bỏ thăm số tiền 2.950.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, số tiền hốt hụi phần của bà M thì bà không giao cho bà M mà giữa bà M với bà M1 thống nhất thỏa thuận

bà M cho bà M1 mượn số tiền này để cấn trừ tiền nợ bà M1 nợ của bà trước sự chứng kiến của bà tại nhà bà M. Như vậy việc bà M trình bày các bên có sự thỏa thuận bà cho bà M1 mượn tiền hốt hụi trong dây hụi khui ngày 12/11/2019 dl để cấn trừ nợ cho bà T là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà T.

[3.2] Đối với bà M1 mặc dù không thừa nhận có vay (mượn) số tiền 58.500.000 đồng của bà M để cấn trừ tiền nợ bà T như bà M, bà T trình bày nhưng bà M1 lại thừa nhận có thỏa thuận với bà M mượn cấn trừ số tiền hụi 58.500.000 đồng trong dây hụi khui ngày 12/11/2019 dl của bà T để bà M đặt cọc mua đất của bà, do bà M đổi ý không mua đất nữa thì xem như mất cọc nên bà không đồng ý trả tiền. Qua phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay bà M1 thừa nhận hai bên có việc thỏa thuận mượn tiền cấn trừ tiền nợ nhưng bà cho rằng hiện tại bản thân không có tiền nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà M. Xét thấy lý do bà M1 nêu ra để không trả tiền cho bà M là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi vì quá trình giải quyết vụ án bà M không thừa nhận có thỏa thuận mua đất và đặt cọc mua đất của bà M1; bà M1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không chứng minh được số tiền 58.500.000 đồng bà M yêu cầu trả là tiền đặt cọc. Bà M1 không cung cấp được thông tin vị trí thửa đất, diện tích đất cụ thể mà hai bên thỏa thuận sang nhượng đặt cọc. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định yêu cầu bà M1 cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh như văn bản thỏa thuận, hợp đồng đặt cọc…nhưng bà M1 không cung cấp được, không chứng minh được lời trình bày của bà là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Đối với việc thỏa thuận đặt cọc mua đất như bà Thạch Thị M1 trình bày, Tòa án nhân dân huyện T đã ra thông báo cho bà nộp đơn yêu cầu phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng bà M1 xác định bà không có tranh chấp với bà M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà M1 phải trả cho bà M số tiền 58.500.000 đồng.

[6] Xét thấy quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Bà Thạch Thị M1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Thạch Thị M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, 465 Bộ luật Dân sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M.

2. Buộc bà Thạch Thị M1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị M số tiền 58.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M đối với số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện ban đầu là 9.100.000 đồng do bà M có đơn xin rút.

4. Về án phí: Bà Thạch Thị M1 được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả cho bà Thạch Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.690.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014908 đã nộp ngày 15/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký